| | |
|---|---|
| **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER**<br>**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND**<br>Số 08/2026/NQ-VNDCF | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>*Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026* |

# NGHỊ QUYẾT

*V/v Phê duyệt một số sửa đổi, bổ sung trong Sổ tay định giá của Quỹ VNDCF.*

---

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

- *Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến quỹ mở và Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (VNDCF);*
- *Căn cứ Biên bản họp của Ban Đại diện Quỹ VNDCF số 08/2026/BB-VNDCF ngày 29/07/2026;*

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Sổ tay định giá của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND (VNDCF). Các nội dung thay đổi trong Sổ tay định giá của Quỹ được đính kèm theo Nghị quyết này;

**Điều 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Thành viên Ban Đại diện Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

*Nơi nhận:*
- Như Điều 2;
- Ngân hàng Giám sát (để b/c);
- Lưu.

**TM. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**
**CHỦ TỊCH**

**VŨ THỊ THƯ**

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
DN: C=VN, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER, L=Phường Hai Bà Trưng, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0102703178
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.07.29 17:06:52+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

**PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SỔ TAY ĐỊNH GIÁ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND (VNDCF)**

| STT | Nội dung tại<br>Sổ tay định giá cũ | Nội dung sửa đổi, bổ sung tại<br>Sổ tay định giá mới | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|---|---|---|---|
| 1 | **II. Cơ sở pháp lý**<br>- Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;<br>- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;<br>- Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;<br>- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;<br>- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán;<br>- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;<br>- Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF). | **II. Cơ sở pháp lý**<br>- Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;<br>- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;<br>- Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025;<br>- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;<br>- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025;<br>- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;<br>- Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF). | Cập nhật các văn bản pháp lý hiện hành |
| 2 | **V. Phương pháp xác định giá trị tài sản của Quỹ** | | Thay đổi theo Phụ |
| | **a. Giá trị tài sản** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ** | | lục XIV - PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN<br>kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC |
| | 1. Tiền (VND)<br>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá. | 1. Tiền (VND)<br>Số dư tiền ~~mặt~~ tại ngày trước Ngày Định Giá. | |
| | 4.1. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu niêm yết<br>a. Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng 02 tuần tính đến Ngày Định Giá giá được xác định là: Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;<br>b. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<br>- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá;<br>- Theo phương pháp định giá do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.<br>4.2. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu chưa niêm yết<br>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<br>- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá;<br>- Theo phương pháp định giá do Ban Đại Diện Quỹ quyết định. | 4. Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác<br>Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.<br>~~4.1. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu niêm yết~~<br>~~a. Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng 02 tuần tính đến Ngày Định Giá giá được xác định là: Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;~~<br>~~b. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:~~<br>~~- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá;~~<br>~~- Theo phương pháp định giá do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.~~<br>~~4.2. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu chưa niêm yết~~<br>~~Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:~~<br>~~- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá;~~<br>~~- Theo phương pháp định giá do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.~~ | |
| | 5. Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác<br>Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu | 5. Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác<br>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ." | tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ. | |
| | **Trái phiếu** | | |
| | 6. Trái phiếu niêm yết<br>.... | 6. Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán<br>.... | |
| | **Cổ phiếu** | | |
| | 8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán<br>.... | 8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết<br>.... | |
| | 9. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom<br>.... | 9. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch<br>.... | |
| | 10. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch<br>Giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:<br>+ Giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 6 tháng); hoặc<br>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. | 10. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán<br>Là một trong các mức giá sau:<br>- Giá trị sổ sách; hoặc<br>- Mệnh giá; hoặc<br>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.<br>~~Giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:~~<br>~~+ Giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 6 tháng); hoặc~~ | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | ~~+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.~~ | |
| | Không có | 11. Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán<br>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:<br>+ Giá trị sổ sách; hoặc<br>+ Giá mua; hoặc<br>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. | |
| | 11. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản<br>.... | ~~11~~12. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản<br>.... | |
| | 12. Cổ phần, phần vốn góp khác<br>.... | ~~12~~13. Cổ phần, phần vốn góp khác<br>.... | |
| | **Chứng chỉ quỹ** | | |
| | Không có | 14. Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết<br>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau:<br>+ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất<br>trước ngày định giá; hoặc | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | + Giá mua; hoặc<br>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.<br>15. Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết<br>Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.<br>16. Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán<br>Là một trong các mức giá sau:<br>- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc<br>- Giá mua; hoặc<br>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. | |
| | **Chứng khoán phái sinh** | | |
| | 13. Chứng khoán phái sinh niêm yết<br>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá. | ~~13~~17. Chứng khoán phái sinh niêm yết<br>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. | |
| | 14. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá | ~~14~~18. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Chứng quyền có bảo đảm** | | |
| | Không có | 19. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán<br>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:<br>+ Giá trị sổ sách; hoặc<br>+ Giá mua; hoặc<br>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. | |
| | **Chứng chỉ quỹ đại chúng**<br>15. Quỹ đóng, quỹ hoán đổi danh mục<br>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:<br>+ Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của quỹ đó được công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website UBCKNN;<br>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;<br>+ Giá mua trung bình.<br>- Đối với chứng chỉ quỹ từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán: | ~~**Chứng chỉ quỹ đại chúng**~~<br>~~15. Quỹ đóng, quỹ hoán đổi danh mục~~<br>~~- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;~~<br>~~- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì~~ được xác định ~~theo thứ tự ưu tiên sau đây:~~<br>~~+ Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của quỹ đó được công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website~~ UBCKNN;<br>~~+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;~~<br>~~+ Giá mua trung bình.~~<br>~~Đối với chứng chỉ quỹ từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ giao dịch~~ đầu tiên trên Sở giao dịch ~~chứng khoán:~~ | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | + Từ thời điểm Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là Giá mua chứng chỉ quỹ đó.<br><br>+ Từ kỳ định giá đầu tiên đến trước kỳ giao dịch đầu tiên của chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán, giá được xác định là Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của Quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ.<br><br>16. Quỹ mở<br><br>- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá.<br><br>- Từ thời điểm Quỹ đại chúng được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của chứng chỉ quỹ đó, giá được xác nhận là Giá mua chứng chỉ quỹ đó. | ~~+ Từ thời điểm~~ Quỹ được cấp giấy ~~chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là Giá mua chứng chỉ quỹ đó.~~<br><br>~~+ Từ kỳ định giá đầu tiên đến trước kỳ giao dịch đầu tiên của chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán, giá được xác định là Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của Quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ.~~<br><br>~~16. Quỹ mở~~<br><br>~~- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá.~~<br><br>~~- Từ thời điểm Quỹ đại chúng được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của chứng chỉ quỹ đó, giá được xác nhận là Giá mua chứng chỉ quỹ đó.~~ | |
| | **Các tài sản khác** | | |
| | Không có | 20. Quyền mua cổ phiếu<br><br>Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. | |
| | 17. Các tài sản được phép đầu tư khác<br><br>…. | ~~17~~21. Các tài sản được phép đầu tư khác<br><br>…. | |
| 3 | **VI. Phương pháp xác định NAV và NAV/ CCQ**<br><br>….<br><br>- Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ Ngày Định Giá, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng của một Chứng Chỉ Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, | **VI. Phương pháp xác định NAV và NAV/ CCQ**<br><br>….<br><br>- ~~Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ~~ Muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng của một Chứng Chỉ Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của | Sửa đổi căn cứ Điều 7 Thông tư số |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. | Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. | 136/2025/TT-BTC |
| 4 | | Thay đổi các mục tên "Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A" thành "Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư IPA PARTNER" | Đổi theo tên mới của Công ty quản lý quỹ |